

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH G**

Bản án số: 33/2023/HS-ST
Ngày: 18/8/2023

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH G**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thơ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Do;

Ông Lưu Thông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2023 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 40/2023/TLST-HS ngày 07 tháng 7 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2023/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2023/HSST-QĐ ngày 07 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo:

Thái Viết N, (tên gọi khác: N Bờ Ngoong) sinh năm 1992, tại tỉnh Đắk Lắk. Nơi cư trú: Thôn Đồng Tâm, xã Bờ Ngoong, huyện Chư Sê, tỉnh G; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thái Viết Dũng và bà Trần Thị Thu Ba; bị cáo có vợ là Mai Thị Thanh Trang và có 03 người con; tiền án: 02 (ngày 15/3/2012, bị Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh G xử phạt 18 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo Bản án số 25/2012/HSST (chưa được xóa án tích). Ngày 08/7/2015, bị Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh G xử phạt 10 năm tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma Ty*” và tội “*Mua bán trái phép chất ma Ty*” theo Bản án số 69/2015/HSST. Bị cáo chấp hành án tại Trại giam Xuân Phước đến ngày 26/12/2020 thì trở về địa phương sinh sống (chưa được xóa án tích)); tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 22/12/2010, bị Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh G ra Quyết định số 391 đưa vào cơ sở cai nghiện tại Trung tâm Chữa bệnh – Giáo dục – Lao động xã hội tỉnh G với thời gian 12 tháng. Bị cáo chấp hành đến ngày 01/02/2011 thì trốn khỏi trung tâm chữa bệnh. Ngày

24/3/2023 bị Tòa án nhân dân tỉnh G xử phạt 3 năm tù về tội “*Che dấu tội phạm*” theo Bản án số 27/2023/HSST và Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm y án theo Bản án số 224/2023/HSPT ngày 23/6/2023.

Ngày 21/11/2022, thực hiện hành vi Cướp giật tài sản và bị Cơ quan CSĐT công an huyện Đ khởi tố. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/11/2022 cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ tỉnh G. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại*: Bà Hoàng Thị D; sinh năm 1965. Trú tại: Tổ dân phố 8, trị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:

Anh Nguyễn Xuân T, sinh năm 1988. Trú tại Tổ 3, phường Tây Sơn, thành phố P, tỉnh G. Hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố P, tỉnh G. Vắng mặt.

Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1987. Trú tại: 302 Hùng Vương, phường Hội Thương, thành phố P, tỉnh G. Vắng mặt.

- *Người làm chứng*:

Anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 1992. Trú tại: 106 Wừu, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt.

Chị Vũ Thị H, sinh năm 1987. Trú tại: thôn Bình Giang, xã Hneng, huyện Đ, Tỉnh G. Vắng mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác*: Không.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 10 giờ ngày 21/11/2022, Nguyễn Xuân T điều khiển xe mô tô Sirius biển số 81U1- 245.64 chở Thái Viết N đi từ thành phố P, tỉnh G xuống huyện Đ, tỉnh G để xem mua cây Vú Sữa của một nhà dân thuộc huyện Đ, tỉnh G nhưng khi đến nơi thì không có chủ nhà ở nhà nên cả hai ra về. N điều khiển xe mô tô 81U1-245.64 chở T đi đến bùng binh thị trấn Đ rồi rẽ phải vào đường Trung tâm thương mại huyện Đ và đi theo đường Wừu về hướng thành phố P, tỉnh G. Trên đường đi, N thấy phía trước có bà Hoàng Thị D đang điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Airblade biển số 81C1 – 026.78, trong Túi áo khoác bên trái của bà D có đựng 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A12 nên N nói với T “*Mày tin tao giật điện thoại bà kia không?*”; T nói “*Mày điên à*”, N không nói gì tiếp tục điều khiển xe áp sát phía bên trái theo chiều đi xe của bà D, dùng tay phải lấy được điện thoại trong Túi áo khoác của bà D rồi cất vào Túi áo N đang mặc; sau đó N tăng ga bỏ chạy về hướng thành phố P, tỉnh G. Bà D đuổi theo xe của N và T, hô lên “*Cướp, cướp*” thì lúc này có anh Nguyễn Thanh Hưng và Vũ Thị Hà nghe thấy tiếng bà D

hồ “*Cướp*” nên cả hai đã điều khiển xe mô tô đuổi theo xe của N và T. Anh Hưng đuổi theo đến cầu An Mỹ thuộc xã An Phú, thành phố P, tỉnh G và chặn đầu xe N nhưng N lách qua và tiếp tục tẩu thoát về thành phố P, tỉnh G. Trên đường đi thì T nói với N “*Tao không liên cáo vụ này, mày tự làm tự chịu, mày trả lại điện thoại cho người ta, không là tao báo công an*”, N nói “*Giờ quay lại người ta đánh chết, để từ từ vài ngày tao xử lý*”. N về tới thành phố P, tỉnh G thì trả xe lại cho T và giữ chiếc điện thoại lấy của bà D để sử dụng. Sau đó, N đi vào thành phố Hồ Chí Minh thăm vợ con thì T tiếp tục nhắn tin cho N yêu cầu N phải trả điện thoại cho người bị hại, nếu không T sẽ báo Công an chứ không để liên lụy đến T nên N nhắn tin trả lời với T nói khi thăm vợ con trở về sẽ đầu thú. Ngày 27/11/2022, N quay về lại thành phố P, tỉnh G và cầm cố điện thoại đã cướp giật của bà D cho anh Nguyễn Văn Quý là chủ tiệm điện thoại Hoàn Thiện thuộc Số 302 đường Hùng Vương, phường Hội Thương, thành phố P, tỉnh G với giá 2.000.000 đồng, số tiền này N đã tiêu xài cá nhân hết. Ngày 28/11/2022, N đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ, tỉnh G đầu thú và khai nhận sự việc phạm tội như trên.

Khi nhận cầm cố, anh Nguyễn Văn Quý không biết đây là tài sản do Thái Viết N phạm tội mà có, sau khi làm việc với Cơ quan điều tra, anh Quý đã tự nguyện giao nộp chiếc điện thoại Samsung Galaxy A12 cho Cơ quan CSĐT công an huyện Đ.

Theo Kết luận định giá tài sản số 98 ngày 05/12/2022 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ kết luận: 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A12 có số IMEI 1: 352884790264403, số IMEI 2: 353649450264400 vào thời điểm bị chiếm đoạt có trị giá 3.000.000 đồng.

Về vật chứng:

- 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A12 có số IMEI 1: 352884790264403, số IMEI 2: 353649450264400 là điện thoại mà Thái Viết N đã cướp giật của bà Hoàng Thị D vào ngày 19/7/2022 tại Tổ dân phố 2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G. Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ đã trả lại cho bà Hoàng Thị D.

- Đối với xe mô tô Yamaha Sirius mang biển số 81U1- 245.64 là phương tiện Thái Viết N đã sử dụng để cướp giật tài sản của bà Hoàng Thị D. Qua xác minh chủ sở hữu là Nguyễn Xuân T nhưng sau đó T đã bán xe mô tô trên cho một người (không rõ lai lịch) tại huyện Ia Grai, tỉnh G với giá 9.000.000 đồng nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ không thu giữ được xe mô tô trên.

Về dân sự:

- Bà Hoàng Thị D đã nhận lại điện thoại và không còn yêu cầu bồi thường gì thêm.

- Anh Nguyễn Văn Quý là người cầm cố điện thoại của Thái Viết N nhưng không biết điện thoại do N phạm tội mà có, anh Quý yêu cầu N bồi thường lại số

tiền 2.000.000 đồng đã bỏ ra nhận cầm cố điện thoại. Bị cáo N chưa bồi thường số tiền trên. Tại phiên tòa N đồng ý với yêu cầu của anh Quý.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như trên và không có ý kiến gì khác.

Tại bản Cáo trạng số: 24/CT-VKS ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G truy tố bị cáo Thái Viết N về tội “*Cướp giật tài sản*” theo điểm d, i khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Thái Viết N và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình sự:

Đề nghị áp dụng d, i khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Thái Viết N từ 05 (năm) năm đến 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù.

Về dân sự:

Đề nghị áp dụng Điều 584; Điều 586 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Thái Viết N phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn Quý số tiền 2.000.000 đồng.

Về án phí: Bị cáo Thái Viết N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đồng ý với quyết định truy tố của Viện kiểm sát. Bị cáo không có ý kiến gì đối với bản luận tội của Viện kiểm sát.

Bị cáo không nói lời nói sau cùng trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo và hình phạt: Vào ngày 21/11/2022, tại Tổ dân phố 7, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G, Thái Viết N đã có hành vi sử dụng xe mô tô cướp giật tài sản là 01 điện thoại Sam sung Galaxy A12 trị giá là 3.000.000 đồng của bà Hoàng Thị D trong lúc bà D đang điều xe mô tô.

Hành vi điều khiển xe mô tô di chuyển trên đường và thực hiện hành vi lấy chiếc điện thoại trong Túi áo của người bị hại cũng đang điều khiển xe mô tô di chuyển trên đường rồi nhanh chóng bỏ chạy thoát nên trên của bị cáo Thái Viết N là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân, xâm phạm trật tự trị an xã hội tại địa phương. Bị cáo Thái Viết N có 02 tiền án chưa được xóa án tích, trong đó Bản án sau là tái phạm của Bản án trước; mặt khác Bản án thứ hai của bị cáo bị xét xử về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, “*Mua bán trái phép chất ma túy*” thuộc trường hợp phạm tội rất nghiêm trọng nhưng bị cáo vẫn tiếp tục dùng thủ đoạn nguy hiểm để thực hiện hành vi cướp giật tài sản với trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 3.000.000 đồng. Vì vậy, hành vi của bị cáo Thái Viết N đã phạm vào tội “*Cướp giật tài sản*” với các tình tiết định khung “*Dùng thủ đoạn nguy hiểm*” và “*Tái phạm nguy hiểm*” quy định tại điểm d, i khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy phải áp dụng cho bị cáo mức án nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mới đủ tính chất răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đầu thú về hành vi của mình. Vì vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu. Có 1 tiền sự đã xóa (ngày 22/12/2010, bị Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh G ra Quyết định số 391 đưa vào cơ sở cai nghiện tại Trung tâm Chữa bệnh – Giáo dục – Lao động xã hội tỉnh G với thời gian 12 tháng. Bị cáo chấp hành đến ngày 01/02/2011 thì trốn khỏi trung tâm chữa bệnh). Ngày 24/3/2023 bị Tòa án nhân dân tỉnh G xử phạt 3 năm tù về tội “*Che dấu tội phạm*” theo Bản án số 27/2023/HSST và Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm y án theo Bản án số 224/2023/HSPT ngày 23/6/2023 Ngày 24/3/2023, bị Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xử phạt 3 năm tù về tội “*Che dấu tội phạm*” theo Bản án số 224/2023/HSPT ngày 23/6/2023.

Đối với Nguyễn Xuân T: Khi Thái Viết N thực hiện hành vi cướp giật tài sản thì giữa T và N không có sự bàn bạc với nhau trước đó, việc cướp giật tài sản là do Thái Viết N tự ý nảy sinh, T không đồng ý đối với sự việc trên, sau khi N phạm tội, T đã nhiều lần nói N ra đầu thú và trả lại tài sản cho bị hại nên không có dấu hiệu đồng phạm với Thái Viết N về hành vi Cướp giật tài sản.

Đối với Nguyễn Văn Quý không biết điện thoại di động mà N cầm cố là điện thoại do N cướp giật mà có nên không có căn cứ để xử lý.

[4] Về vật chứng:

- 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A12 có số IMEI 1: 352884790264403, số IMEI 2: 353649450264400 là điện thoại mà Thái Viết N đã cướp giật của bà Hoàng Thị D. Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ đã trả lại cho bà D là phù hợp.

- Đối với xe mô tô Yamaha Sirius mang biển số 81U1- 245.64 là phương tiện Thái Viết N đã sử dụng để cướp giật tài sản của bà Hoàng Thị D. Qua xác minh chủ sở hữu là Nguyễn Xuân T nhưng sau đó T đã bán xe mô tô trên cho một người (không rõ lai lịch), nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ không thu giữ được xe mô tô trên. Mặt khác, T không đồng phạm với N trong vụ án này nên không xử lý chiếc xe là phù hợp.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

- Bà Hoàng Thị D đã nhận lại điện thoại và không còn yêu cầu bồi thường gì thêm.

- Anh Nguyễn Văn Quý là người cầm cố điện thoại của Thái Viết N nhưng không biết điện thoại do N phạm tội mà có, anh Quý yêu cầu N bồi thường lại số tiền 2.000.000 đồng đã bỏ ra nhận cầm cố điện thoại. Bị cáo N chưa bồi thường số tiền trên và đồng ý với yêu cầu của anh Quý. Xét thấy yêu cầu của anh Quý là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo Thái Viết N phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm d, i khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

- Căn cứ Điều 584; 585; 586; 590 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ 135, 136 Bộ luật tố tụng Hình sự;

- Căn cứ Điều 143 và Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Thái Viết N phạm tội “*Cướp giật tài sản*”.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Thái Viết N 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 28/11/2022).

3. Về dân sự:

Buộc bị cáo Thái Viết N phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn Quý số tiền là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí:

Xử buộc bị cáo Thái Viết N phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 18/8/2023), bị cáo có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh G xét xử phúc thẩm. Đối với bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh G;
- Sở tư pháp tỉnh G;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh G;
- Cơ quan Thi hành án tỉnh G;
- Cơ quan điều tra - Công an huyện Đ;
- Cơ quan Thi hành án hình sự - Công an huyện Đ;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ/VT.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoài Thơ